

Bản án số: 480/2023/DS-PT
Ngày 24 tháng 7 năm 2023
“V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất và yêu
cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1141/2023/QĐPT-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Văn S, sinh năm 1970, có mặt.

Địa chỉ: Số 389 tổ 4, ấp NH, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đoàn Văn N, sinh năm 1966, có mặt.

2.2. Bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1968, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Kim H: Ông Đoàn Văn N.

Cùng địa chỉ: Số 368, tổ 11, ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang (Theo Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2023).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1972, vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp LĐ, xã LK, huyện CM, tỉnh An Giang.

3.2. Anh Phan Ngọc T, sinh năm 1993, vắng mặt.

3.3. Anh Phan Ngọc T1, sinh năm 1996, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 389 tổ 4, ấp NH, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang.

3.4. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang, vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Phan Văn S - Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và các bản khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Phan Văn S trình bày:* Vào năm 2013 vợ chồng ông Phan Văn S và bà Huỳnh Thị Kim T có chuyển nhượng cho ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H phần đất diện tích 21.106m² trị giá 32.000.000 đồng/1.000m² với số tiền 675.392.000 đồng. Vợ chồng ông Đoàn Văn N đã trả cho ông số tiền 700.000.000 đồng là đã trả dư số tiền 24.608.000 đồng, phần đất này ông không tranh chấp. Tuy nhiên đối với Tờ sang nhượng đất nông nghiệp ngày 15/10/2014, Tờ sang nhượng đất nông nghiệp không ngày tháng năm 2014 đều có nội dung chuyển nhượng diện tích 6.342m² và Tờ sang nhượng đất nông nghiệp ngày 11/8/2014 không phải chữ ký và chữ viết của ông Phan Văn S.

Do đó ông Phan Văn S khởi kiện yêu cầu hủy Tờ sang nhượng đất nông nghiệp ngày 15/10/2014, Tờ sang nhượng đất không ngày tháng năm 2014 và Tờ sang nhượng đất nông nghiệp ngày 11/8/2014; Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CH604768 (số vào sổ CS05131) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 27/10/2017 cho ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H diện tích 8.376m² đo thực tế có diện tích 8.357m². Ông Phan Văn S đồng ý trả cho ông Đoàn Văn N, bà Võ Thị Kim H số tiền dư 24.608.000 đồng.

- *Bị đơn là ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H do ông Đoàn Văn N đại diện trình bày:* Ngày 11/8/2014 vợ chồng ông Đoàn Văn N có thỏa thuận chuyển nhượng của ông Phan Văn S và bà Huỳnh Thị Kim T phần đất 28.000m² đất với giá 32.000.000 đồng/1.000m². Tổng số tiền chuyển nhượng đất là 896.000.000 đồng, ông Đoàn Văn N đã trả trước cho ông Phan Văn S 700.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận khi nào làm thủ tục sang tên xong ông Đoàn Văn N sẽ trả đủ tiền còn lại. Khi ông Đoàn Văn N trả tiền cho ông Phan Văn S có vợ là bà Huỳnh Thị Kim T, con là Phan Ngọc T, Phan Ngọc T1 và em ruột là Phan Văn S1, em vợ là bà Huỳnh Thị Thùy D, em rể là Trần Thanh T chứng kiến và ký tên.

Khi làm thủ tục chuyển nhượng đất ông Đoàn Văn N phát hiện phần đất chỉ có diện tích 21.106m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02375/oI cấp ngày 11/9/2007 còn thiếu diện tích đất so với thỏa thuận chuyển nhượng. Nên ngày 15/10/2014 giữa ông và ông Phan Văn S, bà Huỳnh Thị Kim T tiếp tục thỏa thuận ký kết Tờ sang nhượng đất nông nghiệp (làm 02 bản ông giữ 01 bản ghi ngày 15/10/2014 và ông Phan Văn S giữ 01 bản không ngày tháng năm 2014) có cùng nội dung ông Phan Văn S, bà Huỳnh Thị Kim T chuyển nhượng cho ông Đoàn Văn

N diện tích 6.342m² trị giá 202.944.000 đồng, ông Đoàn Văn N cũng đã trả đủ tiền cho ông Phan Văn S.

Sau đó ông Đoàn Văn N làm thủ tục xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CH604768 (số vào sổ CS05131) ngày 27/10/2017 cho ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H với tổng diện tích 26.988m² thuộc thửa đất số 202, tờ bản đồ số 66, tọa lạc tại xã LAT, huyện T, tỉnh An Giang. Như vậy, ông Phan Văn S và bà Huỳnh Thị Kim T đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đoàn Văn N diện tích 26.988m² với giá 32.000.000 đồng/1.000m², tổng cộng bằng 863.616.000 đồng nhưng ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H đã trả cho ông Phan Văn S, bà Huỳnh Thị Kim T số tiền 902.944.000 đồng, dư số tiền 39.328.000 đồng. Tuy nhiên, ông Đoàn Văn N không yêu cầu ông Phan Văn S, bà Huỳnh Thị Kim T trả lại số tiền 39.328.000 đồng này.

Nay ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H không đồng ý trả lại cho ông Phan Văn S diện tích 8.376m² đo thực tế có diện tích 8.357m² vì diện tích này nằm trong diện tích do vợ chồng ông Đoàn Văn N đã chuyển nhượng của ông Phan Văn S.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim T trình bày:* Vào ngày 11/8/2014 bà Huỳnh Thị Kim T có ký hợp đồng sang nhượng cho vợ chồng ông Đoàn Văn N, bà Võ Thị Kim H diện tích 28.000m² với giá chuyển nhượng 32.000.000 đồng/1.000m², ông Đoàn Văn N có giao trả cho ông Phan Văn S số tiền 700.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên và ông Phan Văn S có giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Văn N giữ, sau đó hai bên mới đi ký hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng Tri Tôn.

Đến ngày 15/10/2014 ông Phan Văn S, bà Huỳnh Thị Kim T, Phan Ngọc T, Phan Ngọc T1 và Phan Văn S1, bà Huỳnh Thị Thùy D, ông Trần Thanh T có ký Tờ sang nhượng đất nông nghiệp để ông Phan Văn S chuyển nhượng cho ông Đoàn Văn N diện tích 6.342m² theo thỏa thuận chuyển nhượng diện tích 28.000m², vì lúc này mới chuyển quyền được 21.106m². Khi đó, ông Đoàn Văn N giao trả cho ông Phan Văn S số tiền 202.944.000 đồng có sự chứng kiến của bà Huỳnh Thị Kim T. Nên bà Huỳnh Thị Kim T không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Ngọc T1 trình bày:* Năm 2014 (không nhớ ngày tháng) ông Đoàn Văn N có xuống nhà giao trả số tiền 202.944.000 đồng mua đất cho ba anh là ông Phan Văn S, mẹ là bà Huỳnh Thị Kim T, khi ông Đoàn Văn N trả tiền có mặt ông Phan Văn S1, bà Huỳnh Thị Thùy D, anh Phan Ngọc T và anh Phan Ngọc T1. Lý do ông Đoàn Văn N mua đất của ông Phan Văn S diện tích 28.000m² nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có 21.106m² nên ông Đoàn Văn N có kêu anh ký tên. Năm 2016 anh và mẹ (bà Huỳnh Thị Kim T) đến xã LAT cùng với ông Phan Văn S ký tên sang nhượng phần đất diện tích 7.000m² cho ông Đoàn Văn N. Nên anh không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Ngọc T:* Vắng mặt không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn S.

- *Tại Công văn số 1308/STNMT-VPĐKKĐĐ ngày 12/5/2022 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang có ý kiến:* Diện tích 21.106m² đất chuyên trồng lúa nước

tọa lạc tại xã LAT, huyện T do ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H quản lý, sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04205 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 17/10/2014. Đến ngày 05/9/2016 ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H có đơn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích thực tế 26.988m², tăng 6.203m² do sai số đo đạc bản đồ và phá bờ đồng thời lập biên bản xác minh và được UBND xã LAT xác nhận. Đến ngày 27/10/2017 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang đã cấp đổi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CH604768 (số vào sổ CS05131) cho ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H. Việc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận theo yêu cầu của ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Do đó Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang đề nghị Tòa án giải quyết bác đơn khởi kiện của ông Phan Văn S yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CH604768 (số vào sổ CS05131) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang đã cấp cho ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H đối với diện tích 26.988m² thuộc thửa đất số 202, tờ bản đồ số 66, tọa lạc tại xã LAT, huyện T, tỉnh An Giang.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 138, Điều 140, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 503 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn S yêu cầu hủy Tờ sang nhượng đất nông nghiệp không ghi ngày tháng năm 2014 và yêu cầu ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H trả lại phần đất diện tích 8.376m² đo thực tế có diện tích 8.357m² theo Bản trích đo địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Tri Tôn lập ngày 12/8/2020 được giới hạn bởi các điểm 3, 4, 13, 12, 11. Đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CH604768 (số vào sổ CS05131) cho ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H ngày 27/10/2017 có diện tích 26.988m², thửa đất số 202, tờ bản đồ số 66, mục đích sử dụng đất trồng lúa nước, tọa lạc tại xã LAT, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn S yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CH604768 (số vào sổ CS05131) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H ngày 27/10/2017.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/02/2023 nguyên đơn Phan Văn S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Nguyên đơn ông Phan Văn S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không khách quan, phần đất đang tranh chấp ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H không có sử dụng.

- Bị đơn ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H do ông Đoàn Văn N làm đại diện đề nghị bác kháng cáo của ông Phan Văn S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang; bà Huỳnh Thị Kim T, anh Phan Ngọc T, Phan Ngọc T1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Văn S hợp lệ đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên đề nghị xét xử phúc thẩm vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Văn sang yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ do đó đề nghị bác kháng cáo của ông Phan Văn S giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Văn S làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Những người có quyền lợi liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn Phan Văn S, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1.] Ngày 11/8/2014 ông Phan Văn S, bà Huỳnh Thị Kim T lập “Tờ sang nhượng đất nông nghiệp” để chuyển nhượng cho ông Đoàn Văn N phần đất diện tích 28.000m² với giá 32.000.000 đồng/1.000m², tổng cộng thành tiền là 896.000.000 đồng, ông Đoàn Văn N trả trước cho ông Phan Văn S số tiền 700.000.000 đồng. Đến ngày 13/8/2014 ông Phan Văn S, bà Huỳnh Thị Kim T và ông Đoàn Văn N, bà Võ Thị Kim H cùng ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng Tri Tôn, nội dung hợp đồng thể hiện ông Phan Văn S, bà Huỳnh Thị Kim T chuyển nhượng cho ông Đoàn Văn N, bà Võ Thị Kim H phần đất diện tích 21.106m², thửa đất số 212, tờ bản đồ số 13, mục đích sử dụng đất trồng lúa nước, tọa lạc tại xã LAT, huyện T, tỉnh An Giang. Sau đó, ông Phan Văn S và bà Huỳnh Thị Kim T đã giao đất cho ông Đoàn Văn N, bà Võ Thị Kim H quản lý, sử dụng và đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04205 ngày 17/10/2014 cho ông Nhiệm và bà Võ Thị Kim H.

Theo ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H khai do phần đất được nhận chuyển nhượng chưa đủ diện tích theo thỏa thuận nên ngày 15/10/2014 ông Đoàn Văn N và ông Phan Văn S, bà Huỳnh Thị Kim T và các con là anh Phan Ngọc T, anh Phan Ngọc T1 tiếp tục lập tờ sang nhượng đất nông nghiệp cho ông Đoàn Văn N, bà Võ Thị Kim H phần đất diện tích 6.342m² với giá 32.000.000 đồng/1.000m² bằng 202.944.000 đồng. Do đó tổng diện tích đất do ông Phan Văn S và bà Huỳnh Thị Kim T thỏa thuận chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H là 27.448m² đất. Sau đó ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H có Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 05/9/2016 Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Tri Tôn tiến hành đo đạc lại khu đất nêu trên thể hiện diện tích thực tế là 26.988m².

Ông Phan Văn S thừa nhận có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đoàn Văn N diện tích 21.106m² trị giá 32.000.000 đồng/1.000m² với số tiền 675.392.000 đồng. Nhưng vợ chồng ông Đoàn Văn N đã trả cho ông Phan Văn S số tiền 700.000.000 đồng dư 24.608.000 đồng so với diện tích đất chuyển nhượng. Riêng Tờ sang nhượng đất nông nghiệp ngày 11/8/2014 và tờ sang nhượng đất nông nghiệp ngày 15/10/2014 cùng với tờ sang nhượng đất nông nghiệp không ghi ngày, tháng thì ông Phan Văn S không thừa nhận có ký tên và ghi họ tên.

Tuy nhiên, Tại kết luận giám định số 86/KLGT-PC09 (TL) ngày 24/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang đã kết luận: “Chữ ký và chữ viết tên Phan Văn S trên 02 (hai) “Tờ sang nhượng đất nông nghiệp” ngày 11/8/2014 và tờ sang nhượng đất nông nghiệp ngày 15/10/2014 (ký hiệu: A1, A2) so với chữ ký, chữ viết tên Phan Văn S trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu: M1 đến M3) do một người ký và viết ra”. Như vậy, có cơ sở xác định ông Đoàn Văn N, bà Võ Thị Kim H nhận chuyển nhượng đất của ông Phan Văn S vào ngày 11/8/2014 và ngày 15/10/2014 với tổng diện tích là 26.988m². Ông Nhiệm, bà Võ Thị Kim H đã giao cho ông Phan Văn S, bà Huỳnh Thị Kim T hai lần bằng tổng số tiền 902.944.000 đồng (700.000.000 đồng + 202.944.000 đồng).

Vì vậy, Tòa án sơ thẩm không nhận yêu cầu của ông Phan Văn S về việc đòi ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H trả lại diện tích 8.357m² theo Bản trích đo địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Tri Tôn lập ngày 12/8/2020 được giới hạn bởi các điểm 3, 4, 13, 12, 11 là có căn cứ.

[3.2] Xét thấy, sau khi lập hợp đồng chuyển nhượng đất, vợ chồng ông Đoàn Văn N, bà Võ Thị Kim H quản lý sử dụng đất và thực hiện việc kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất. Ngày 27/10/2017 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CH604768 (số vào sổ CS05131) do cho ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H ngày 27/10/2017 đối với diện tích 26.988m² thuộc thửa đất số 202, tờ bản đồ số 66, mục đích sử dụng trồng lúa nước, tọa lạc tại xã LAT, huyện T, tỉnh An Giang là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn S yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CH604768 (số vào sổ CS05131) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 27/10/2017 cho ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Phan Văn S yêu cầu hủy bản án sơ thẩm nhưng không xuất trình được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn S, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định trên.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phan Văn S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Các Quyết định khác của án sơ thẩm chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Văn S.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 138, Điều 140, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 503 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn S yêu cầu hủy Tờ sang nhượng đất nông nghiệp không ghi ngày tháng năm 2014 và yêu cầu ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H trả lại phần đất diện tích 8.376m² đo thực tế có diện tích 8.357m² theo Bản trích đo địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Tri Tôn lập ngày 12/8/2020 (Bút lục 194a) được giới hạn bởi các điểm 3, 4, 13, 12, 11; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CH604768 (số vào sổ CS05131) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H ngày 27/10/2017 trong tổng diện tích 26.988m², thuộc thửa đất số 202, tờ bản đồ số 66, mục đích sử dụng đất trồng lúa nước, tọa lạc tại xã LAT, huyện T, tỉnh An Giang.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn S yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CH604768 (số vào sổ CS05131) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Đoàn Văn N và bà Võ Thị Kim H ngày 27/10/2017.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Phan Văn S phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000116 ngày 13/02/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Dương sự đã nộp đủ.

4. Các Quyết định khác của án sơ thẩm chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã**